|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2021/TT-BTP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

DỰ THẢO 2

**THÔNG TƯ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP
ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyền**

*Căn cứ Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.*

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (sau đây gọi là Nghị định số 87/2020/NĐ-CP) về việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; quy trình đăng ký hộ tịch trực tuyến; xác nhận thông tin hộ tịch; ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý giấy tờ hộ tịch điện tử.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan nhà nước ở trung ương.

2. Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch trong nước và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

## Điều 3. Kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác

Việc kết nối chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây:

1. Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thực hiện thông qua Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương (sau đây gọi tắt là Hệ thống NGSP) theo hướng dẫn của Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được thực hiện thông qua Hệ thống NGSP theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Việc tiếp nhận yêu cầu đăng ký hộ tịch điện tử từ Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ tại các Cơ quan đăng ký hộ tịch để xử lý trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung được thực hiện thông qua kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống một cửa điện tử của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hệ thống một cửa điện tử của Bộ Ngoại giao với Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung thông qua Hệ thống NGSP theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với các cơ sở dữ liệu khác của bộ, ngành, địa phương được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp trên cơ sở sau khi đã có sự thống nhất giữa Bộ Tư pháp với cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu cần kết nối, chia sẻ thông tin.

## Điều 4. Mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua cổng kết nối với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử cung cấp các trường dữ liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP để cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch khai thác thông tin công dân, thực hiện đăng ký hộ tịch hoặc rà soát, đối chiếu, chuẩn hóa các dữ liệu đăng ký hộ tịch trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Trường hợp dữ liệu của công dân giữa hai Cơ sở dữ liệu không thống nhất thì cơ quan công an có trách nhiệm phối hợp với cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch kiểm tra, xác minh, xác định thông tin chính xác và cập nhật lại thông tin tương ứng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu đăng ký hộ tịch trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

2. Các cơ sở dữ liệu khác được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để khai thác, sử dụng thông tin về hộ tịch theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP.

Trường hợp thông tin về công dân trong các cơ sở dữ liệu khác hoặc giấy tờ đã cấp không phù hợp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì phải thực hiện điều chỉnh cho phù hợp với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

## Điều 5. Mức độ đăng ký hộ tịch trực tuyến

1. Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền thực hiện đăng ký trực tuyến mức độ 3 đối với tất cả các việc hộ tịch, đăng ký trực tuyến mức độ 4 đối với các việc: cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch; ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

2. Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch theo hình thức phù hợp với mức độ triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực hộ tịch tại địa phương. Trường hợp từ chối thì phải có văn bản nêu rõ lý do hoặc có email chính thức của đơn vị gửi cho người yêu cầu (nếu người yêu cầu có cung cấp địa chỉ email).

## Điều 6. Nộp, tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến

Việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây:

1. Bản quét/bản chụp các giấy tờ sử dụng để gửi trực tuyến phải bảo đảm rõ, nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung.

Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp được đính kèm khi đăng ký hộ tịch trực tuyến phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định tại Điều 10 Luật hộ tịch, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

Trường hợp người yêu cầu không cung cấp đủ bản quét/bản chụp các giấy tờ cần thiết theo quy định hoặc bản quét/bản chụp được gửi kèm theo yêu cầu đăng ký hộ tịch không đáp ứng yêu cầu thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết các việc đăng ký hộ tịch trực tuyến được thực hiện theo quy định của Luật hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP (sau đây gọi là Thông tư số 04/2020/TT-BTP).

3. Việc trả kết quả đăng ký hộ tịch trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 12 của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP. Khi đến nhận kết quả đăng ký hộ tịch đối với các hộ tịch thực hiện đăng ký trực tuyến mức độ 3, người có yêu cầu đăng ký hộ tịch phải xuất trình giấy tờ tùy thân để chứng minh về nhân thân, bản in hoặc nội dung email Phiếu hẹn trả kết quả, đồng thời nộp, xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ đã gửi trong hồ sơ trực tuyến để đối chiếu.

Người trả kết quả có trách nhiệm đối chiếu hồ sơ được gửi trực tuyến với hồ sơ do cá nhân xuất trình, hướng dẫn người có yêu cầu đăng ký hộ tịch ký vào sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch theo đúng quy định.

Trường hợp người yêu cầu đăng ký hộ tịch không cung cấp được các giấy tờ đã gửi trực tuyến hoặc giấy tờ xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả hoặc không đến nhận kết quả đăng ký trong thời hạn quy định thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền từ chối trả kết quả và không hoàn trả lại phí, lệ phí (trường hợp đã nộp phí, lệ phí khi nộp hồ sơ), trừ trường hợp người yêu cầu không thể đến nhận kết quả vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

4. Khi trả kết quả đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn, cả hai bên nam, nữ phải có mặt; khi trả kết quả đăng ký nhận cha, mẹ, con, cả bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều phải có mặt.

## Điều 7. Cấp bản sao trích lục hộ tịch

1. Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tuyến phải cung cấp thông tin vào biểu mẫu điện tử tương tác (theo mẫu trên hệ thống) và đính kèm bản quét (scan) hoặc bản chụp giấy tờ hộ tịch đã được cấp trước đây (nếu có).

Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch có trách nhiệm cung cấp chính xác các thông tin về giấy tờ hộ tịch đã được cấp gồm: loại giấy tờ hộ tịch, số, cơ quan cấp, thời gian cấp. Trường hợp không cung cấp được các thông tin trên thì phải cung cấp đầy đủ các nội dung hộ tịch đã đăng ký để có cơ sở tra cứu.

Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch không cung cấp đủ hoặc cung cấp các thông tin không chính xác thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch

2. Trường hợp dữ liệu hộ tịch chưa được số hóa trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử:

a) Trường hợp cơ quan cấp bản sao trích lục hộ tịch là cơ quan đang quản lý sổ hộ tịch gốc thì trước khi thực hiện cấp bản sao trích lục hộ tịch, cơ quan cấp bản sao trích lục hộ tịch có trách nhiệm số hóa dữ liệu hộ tịch gốc vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử;

b) Trường hợp cơ quan được yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch không phải là cơ quan quản lý sổ hộ tịch gốc thì có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu thực hiện đăng ký cấp bản sao trích lục hộ tịch tại cơ quan quản lý sổ hộ tịch gốc hoặc chuyển yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch đến cơ quan quản lý sổ hộ tịch gốc để cấp bản sao trích lục hộ tịch cho người yêu cầu.

3. Trường hợp dữ liệu hộ tịch đã được số hóa trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử:

a) Trường hợp dữ liệu hộ tịch điện tử tìm được phù hợp với bản quét hoặc bản chụp trang sổ hộ tịch tương ứng đã được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì cơ quan được yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch thực hiện cấp bản sao trích lục hộ tịch.

b) Trường hợp dữ liệu hộ tịch điện tử tìm được chưa có bản quét hoặc bản chụp trang sổ hộ tịch tương ứng hoặc đã có nhưng thông tin giữa dữ liệu điện tử và bản quét/bản chụp không phù hợp thì cơ quan được yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch tiến hành rà soát hoặc đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp sổ hộ tịch rà soát và điều chỉnh thông tin chính xác (nếu có) trước khi thực hiện cấp bản sao trích lục hộ tịch cho người yêu cầu.

## Điều 8. Cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền xác nhận thông tin hộ tịch trong các trường hợp:

a) Yêu cầu khai thác thông tin từ nhiều việc đăng ký hộ tịch của cá nhân hoặc khai thác thông tin hộ tịch của nhiều người;

b) Xác nhận các thông tin hộ tịch của cá nhân trong trường hợp có nhiều giấy tờ, hồ sơ cá nhân khác nhau.

2. Việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây:

Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp có trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết tất cả các yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch; Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao có thẩm quyền và trách nhiệm xác nhận các thông tin hộ tịch của công dân Việt Nam trong thời gian cư trú tại nước ngoài; Sở Tư pháp có thẩm quyền giải quyết yêu cầu xác nhận các thông tin hộ tịch của cá nhân cư trú trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Tư pháp có thẩm quyền giải quyết yêu cầu xác nhận các thông tin hộ tịch của cá nhân cư trú trong phạm vi địa bàn quận, huyện, thành phố, thị xã.

3. Người yêu cầu cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch phải cung cấp thông tin vào biểu mẫu điện tử tương tác (theo mẫu trên hệ thống) và đính kèm bản quét (scan) hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh thông tin hộ tịch của cá nhân (nếu có).

Người yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ, tài liệu chứng minh thông tin hộ tịch của cá nhân (nếu có) và cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2020/TT-BTP..

Trường hợp người yêu cầu cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch không cung cấp đủ hoặc cung cấp các thông tin không chính xác thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch.

4. Trường hợp cá nhân có nhiều thông tin khác nhau trong giấy tờ, hồ sơ cá nhân, cơ quan có thẩm quyền cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an và các cơ quan liên quan khác xác minh.

Trường hợp cơ quan được đề nghị xác minh trả lời không có thông tin thì cơ quan có thẩm quyền cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch cho phép người yêu cầu lập văn bản cam đoan về thông tin hộ tịch của cá nhân theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 04/2020/TT-BTP và xác nhận thông tin hộ tịch theo văn bản cam đoan.

5. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu xác nhận nhiều thông tin hộ tịch của một người thì cơ quan có thẩm quyền cấp xác nhận thông tin hộ tịch xác nhận đúng thông tin hộ tịch của cá nhân theo kết quả tra cứu.

*Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A, sinh ngày 25/4/1987 tại Trạm Y tế xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình*

*- Đã được đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã Gia Thủy theo Giấy khai sinh số 88, quyển số 01 ngày 28/4/1987;*

*- Họ và tên cha: Nguyễn Văn T., sinh năm 1965.*

*- Họ và tên mẹ: Trần Thị B., sinh năm 1966.*

*- Quê quán: xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.*

*- Đã đăng ký kết hôn với bà Hoàng Thị Ngọc N., sinh ngày 18/10/1991 tại UBND xã Gia Thủy theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 12/5/2015.*

6. Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch được sử dụng để chứng minh thông tin hộ tịch của cá nhân trong các giao dịch, thủ tục hành chính, không sử dụng để chứng minh tình trạng hôn nhân khi đăng ký kết hôn.

## Điều 9. Liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi

Việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, Điều 4 Thông tư này và hướng dẫn sau đây:

1. Người yêu cầu thực hiện liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi cung cấp thông tin vào biểu mẫu điện tử tương tác (theo mẫu trên hệ thống) và đính kèm bản quét (scan) hoặc bản chụp các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật hộ tịch và các giấy tờ có liên quan.

2. Cơ quan thực hiện liên thông các thủ tục hành chính bao gồm:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em dưới 6 tuổi.

b) Cơ quan đăng ký cư trú cho trẻ em dưới 6 tuổi, cụ thể như sau:

- Công an xã, phường, thị trấn;

- Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã.

c) Bảo hiểm xã hội huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Bảo hiểm xã hội huyện, quận, thị xã thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội cấp huyện) cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

d) Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện liên thông các thủ tục hành chính quy định tại các điểm a, b, c Khoản này phải cùng thuộc địa bàn một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cùng thuộc địa bàn một quận, huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Sau khi hoàn thành việc đăng ký khai sinh và cấp Số định danh cá nhân, cơ quan đăng ký hộ tịch sử dụng chức năng, tiện ích được cung cấp trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung thực hiện chuyển các yêu cầu điện tử đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử sang Cơ sở dữ liệu về cư trú và Cơ sở dữ liệu về bảo hiểm để cơ quan đăng ký thường trú và cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Trường hợp không thể chuyển các yêu cầu điện tử đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế tương ứng từ Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung thì cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ giấy các yêu cầu đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho cơ quan đăng ký thường trú, cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền.

4. Khi nhận được yêu cầu điện tử đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, cơ quan đăng ký thường trú, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết ngay, không yêu cầu cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch bổ sung thêm các giấy tờ khác có liên quan, trừ trường hợp cần kiểm tra, xác minh do có sự sai lệch thông tin trong các Cơ sở dữ liệu.

 **Điều 10. Liên thông** **các thủ tục hành chính đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí**

1. Người có yêu cầu thực hiện liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trực tuyến cung cấp thông tin vào biểu mẫu điện tử tương tác (theo mẫu trên hệ thống) và đính kèm bản quét (scan) hoặc bản chụp các giấy tờ theo quy định.

2. Việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư này.

3. Sau khi hoàn thành việc đăng ký khai tử, cơ quan đăng ký hộ tịch sử dụng chức năng, tiện ích được cung cấp trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung thực hiện chuyển các yêu cầu điện tử xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử sang Cơ sở dữ liệu về cư trú và Cơ sở dữ liệu về bảo hiểm để cơ quan đăng ký thường trú và cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Trường hợp không thể chuyển các yêu cầu điện tử đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế tương ứng từ Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung thì cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ giấy các yêu cầu xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí cho cơ quan đăng ký thường trú, cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền.

4. Khi nhận được yêu cầu điện tử xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí được gửi từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, cơ quan đăng ký thường trú, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết ngay, không yêu cầu cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch bổ sung các giấy tờ khác, trừ trường hợp cần kiểm tra, xác minh do có sai lệch thông tin trong các Cơ sở dữ liệu.

 **Điều 11. Bản điện tử giấy tờ hộ tịch**

1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Danh mục biểu mẫu bản điện tử giấy tờ hộ tịch do Bộ Tư pháp phát hành (Phụ lục 1);

b) Danh mục biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác (Phụ lục 2).

2. Giá trị pháp lý của bản điện tử giấy tờ hộ tịch được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây:

a) Bản điện tử Giấy tờ hộ tịch được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có giá trị pháp lý như giấy tờ hộ tịch bản giấy.

Chữ ký số trên bản điện tử Giấy tờ hộ tịch phải đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Bản điện tử **giấy tờ hộ tịch có giá trị sử dụng** như giấy tờ hộ tịch bản giấy **trong các giao dịch, thủ tục hành chính.**

c) Cơ quan, đơn vị tiếp nhận Bản điện tử **giấy tờ hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra lại tính chính xác và tình trạng sử dụng của Bản điện tử giấy tờ hộ tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thông qua mã QRCode trên Bản điện tử của giấy tờ hộ tịch trước khi tiếp nhận.**

**Trường hợp thông tin trên Bản điện tử của giấy tờ hộ tịch không còn phù hợp với thông tin được lưu trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc Bản điện tử giấy tờ hộ tịch không còn giá trị sử dụng do giấy tờ hộ tịch đã bị thu hồi, hủy bỏ thì từ chối tiếp nhận.**

**d) Các cá nhân, tổ chức khi thực hiện tra cứu, khai thác thông tin hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thông qua Bản điện tử giấy tờ hộ tịch phải tiến hành trả phí theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Cổng thông tin điện tử cung cấp dịch vụ khai thác thông tin hộ tịch của Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.**

## Điều 12. Số hóa dữ liệu hộ tịch

1.Thông tin hộ tịch cần số hóa là thông tin hộ tịch đã được đăng ký trong các Sổ hộ tịch được lưu giữ tại địa phương từ trước thời điểm địa phương chính thức triển khai, đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp.

2. Sở Tư pháp là đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu hộ tịch được số hóa tại địa phương. Đơn vị chủ trì số hóa dữ liệu hộ tịch cần báo cáo kết quả số hóa về Sở Tư pháp sau khi hoàn thành việc thực hiện số hóa.

3. Đơn vị chủ trì số hóa tại các địa phương được ưu tiên xác định như sau:

a) Sở Tư pháp chủ trì việc cập nhật dữ liệu số hóa đối với các dữ liệu hộ tịch đã được đăng ký tại Sở Tư pháp;

b) Phòng Tư pháp cấp huyện chủ trì việc cập nhật dữ liệu số hóa đối với các dữ liệu hộ tịch đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn toàn huyện, quận, thị xã;

c) Trong một số trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể được phân công nhiệm vụ chủ trì số hóa dữ liệu đối với các dữ liệu hộ tịch lịch sử trên địa bàn mình quản lý;

d) Đơn vị chủ trì số hóa có thể thuê tổ chức, cá nhân thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch và cập nhật dữ liệu vào các phần mềm hoặc công cụ hỗ trợ số hóa dữ liệu hộ tịch do Bộ Tư pháp cung cấp trước khi được người có thẩm quyền tại đơn vị quản lý dữ liệu được số hóa tiến hành rà soát, phê duyệt, chính thức chuyển đổi dữ liệu sang Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Việc thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch trong trường hợp này phải tuân thủ các quy định về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật có liên quan. Đơn vị chủ trì số hóa chịu trách nhiệm về việc bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin được số hóa.

4. Đơn vị quản lý dữ liệu được số hóa là đơn vị quản lý trực tiếp các Sổ đăng ký hộ tịch được số hóa, có nhiệm vụ rà soát, phê duyệt các dữ liệu hộ tịch đã được cập nhật vào các phần mềm hoặc công cụ hỗ trợ số hóa dữ liệu hộ tịch do Bộ Tư pháp cung cấp và chuyển đổi các dữ liệu đã được phê duyệt sang Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

5. Quy trình thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

 **Điều 13. Tạo lập dữ liệu hộ tịch**

 Sau khi thực hiện cập nhật dữ liệu hộ tịch đã được đăng ký hoặc đã được số hóa, chuẩn hóa vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, công chức tư pháp-hộ tịch, công chức tư pháp tại Cơ quan trực tiếp quản lý dữ liệu có trách nhiệm sử dụng các tiện ích được cung cấp trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung thực hiện tìm kiếm, khai thác thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để cập nhật thông tin về Số định danh cá nhân của các công dân tương ứng vào trong dữ liệu hộ tịch để hình thành liên kết giữa các thông tin hộ tịch của mỗi cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, từ đó tạo lập thông tin hộ tịch tổng thể của mỗi cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

## Điều 14. Bổ sung Số định danh cá nhân

1. Cơ quan đăng ký hộ tịch nhận được Số định danh cá nhân khi thực hiện cập nhật dữ liệu đăng ký khai sinh vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc khi tạo lập dữ liệu hộ tịch, thì thực hiện ghi bổ sung Số định danh cá nhân của công dân vào mục Số định danh cá nhân và cột Ghi chú trong Sổ đăng ký khai sinh. Trường hợp Sổ đăng ký khai sinh trước đây không có mục Số định danh cá nhân thì ghi vào cột Ghi chú trong Sổ đăng ký khai sinh.

Sau khi ghi bổ sung Số định danh cá nhân vào Sổ đăng ký khai sinh, cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch có trách nhiệm chụp lại trang Sổ đăng ký khai sinh tương ứng và cập nhật trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để thay thế bản quét/bản chụp trước đây.

2. Trường hợp công dân có yêu cầu bổ sung Số định dạnh cá nhân trong Giấy khai sinh thì cơ quan đăng ký hộ tịch tiến hành tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, nếu công dân đã được cấp Số định danh cá nhân thì thực hiện ghi bổ sung Số định danh cá nhân vào Giấy khai sinh và ghi chú vào mặt sau Giấy khai sinh. Trường hợp Giấy khai sinh không có mục Số định danh cá nhân thì thực hiện ghi chú tại mặt sau Giấy khai sinh.

Sau khi bổ sung Số định danh cá nhân vào Giấy khai sinh, cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện thao tác xác nhận đã bổ sung Số định danh cá nhân vào bản chính giấy khai sinh trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

## Điều 15. Quản lý Sổ hộ tịch điện tử

1. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày khóa Sổ hộ tịch, cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm rà soát, chuẩn hóa, đính kèm đầy đủ các bản quét/bản chụp trang sổ hộ tịch tương ứng vào các dữ liệu hộ tịch điện tử tương ứng trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đồng thời thực hiện thao tác khóa sổ hộ tịch điện tử trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

2. Sau khi khóa Sổ hộ tịch điện tử, dữ liệu hộ tịch điện tử sẽ không thể chỉnh sửa. Trường hợp phát hiện thông tin hộ tịch có sai sót so với Sổ hộ tịch bản giấy, cơ quan đăng ký hộ tịch phải có văn bản đề nghị gửi cơ quan quản lý hộ tịch cấp trên trực tiếp, trong đó nêu rõ lý do, phạm vi chỉnh sửa và khoảng thời gian mở sổ để thực hiện việc chỉnh sửa thông tin. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử sẽ tự động khóa sổ khi hết thời hạn mở sổ.

## Điều 16. Hủy dữ liệu hộ tịch điện tử không hợp lệ

1. Trường hợp thông tin đăng ký hộ tịch đã bị thu hồi, hủy bỏ bởi cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan quản lý trực tiếp dữ liệu đã bị thu hồi, hủy bỏ có trách nhiệm lập đề nghị hủy dữ liệu điện tử tương ứng trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thông qua các chức năng, tiện ích được cung cấp trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung.

2. Đề nghị hủy dữ liệu hộ tịch điện tử gồm các thông tin sau đây:

- Thông tin về dữ liệu hộ tịch cần hủy;

- Loại lý do hủy dữ liệu;

- Lý do chi tiết;

- Văn bản điện tửđề nghị hủy dữ liệu của cơ quan lập đề nghị hủy;

- Bản sao điện tử của Quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch của cơ quan có thẩm quyền hoặc văn bản đồng ý hủy dữ liệu hộ tịch điện tử của cơ quan quản lý hộ tịch cấp trên trực tiếp.

3. Trường hợp phải hủy dữ liệu hộ tịch trong sổ hộ tịch điện tử đã khóa thì cơ quan quản lý trực tiếp dữ liệu đề nghị mở khóa sổ hộ tịch điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư này để thực hiện hủy dữ liệu.

4. Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp có trách nhiệm xem xét, phê duyệt các đề nghị hủy dữ liệu hộ tịch điện tử hợp lệ trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung.

5. Trường hợp dữ liệu hộ tịch điện tử đã hủy trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đã được cập nhật, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì thông tin thu hồi dữ liệu hộ tịch điện tử sẽ được gửi sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để khôi phục tình trạng thông tin ban đầu.

## Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, công chức làm công tác hộ tịch

1. Cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin hộ tịch đã được đăng ký vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thông qua các chức năng, tiện ích được cung cấp bởi Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung.

2. Thực hiện số hóa, tạo lập dữ liệu hộ tịch theo thẩm quyền.

3. Tiến hành kiểm tra, rà soát các dữ liệu hộ tịch điện tử thuộc thẩm quyền quản lý và kịp thời thực hiện chỉnh sửa, chuấn hóa các thông tin có sai sót, bổ sung các thông tin còn thiếu, đảm bảo dữ liệu được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là đầy đủ và chính xác so với Sổ hộ tịch giấy.

## Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021.

2. Bãi bỏ Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 13, Điều 14 Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Tư pháp kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để có hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Văn phòng Chính phủ;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Các Bộ: Công an, Ngoại giao;- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Công báo;- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- Lưu: VT, Cục HTQTCT. | **BỘ TRƯỞNG****Lê Thành Long** |